TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN CÁT,** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2025/HS-ST
Ngày 28-02/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN CÁT,TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Sang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. bà Nguyễn Thị Thắm;

2. ông Lê Thành Tâm.

- ***Thư ký phiên tòa:*** ông Nguyễn Thanh Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** bà Nguyễn Thị Kim H - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025, tại Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 337/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2025/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo:

1. Lương Thị Ngọc L, sinh ngày 23/6/2003 tại tỉnh Bình Dương; nơi thường trú: số B, Nguyễn Văn L1, khu B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nơi ở: phòng số E, nhà trọ T4, tổ A, khu phố T, phường A, thành phố B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Thanh H1 và bà Đoàn Thị Mạnh K; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt từ ngày 13 tháng 6 năm 2024 và tạm giam cho đến nay, bị cáo có mặt.

2. Phan Thanh V (tên gọi khác là Q), sinh năm 1994 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi thường trú: ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nơi ở: phòng số E, nhà trọ T4, tổ A, khu phố T, phường A, thành phố B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn K1 và bà Huỳnh Thị M; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt từ ngày 12 tháng 6 năm 2024 và tạm giam cho đến nay, bị cáo có mặt.

3. Trần Vĩnh Đ, sinh năm 1994 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi thường trú: ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nơi ở: phòng số E, nhà trọ T4, tổ A, khu phố T,

phường A, thành phố B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Vĩnh L2 và bà Trần Thị Tuyết M1; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 04/8/2017, Trần Vĩnh Đ bị Toà án nhân dân thị xã (nay là thành phố), tỉnh Bình Dương áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 12 tháng đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý theo Quyết định số 29/QĐ-TA, chấp hành xong ngày 16/6/2018. Bị cáo bị bắt từ ngày 13 tháng 6 năm 2024 và tạm giam cho đến nay, bị cáo có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lương Thị Ngọc L và Phan Thanh V sống chung với nhau như vợ chồng, cả hai thuê phòng trọ số 5B, nhà T, khu phố T, phường A, thành phố B, tỉnh Bình Dương để sinh sống. Khoảng cuối tháng 5/2024, Trần Vĩnh Đ là cháu của V đến ở chung với L và V để xin việc làm tại khu vực thành phố B. L, V và Đ là đối tượng nghiện ma tuý đá (ma tuý loại Methamphetamine). Nguồn ma túy mà L, V và Đ có để sử dụng là do L mua của đối tượng Cu Đ1 (chưa rõ lai lịch) và đối tượng Minh T (chưa rõ lai lịch).

Khoảng 04 giờ ngày 11/06/2024, L sử dụng điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro, màu xanh gọi điện bằng ứng dụng zalo cho Cu Đ1 hỏi mua 800.000 đồng ma túy đá, L nói sẽ đưa trước số tiền 200.000 đồng và số tiền còn lại L nợ, khi nào có L sẽ trả, Cu đen đồng ý và nói sẽ mang ma tuý giao cho L tại khu vực gần nhà trọ T. Khoảng 04 giờ 15 phút, L gặp Cu Đ1 mua được 01(một) túi nylon màu trắng miệng kéo dính, bên trong chứa ma túy đá. Sau đó, L đem ma tuý cất giấu bên trong 01 cục sạc điện thoại màu trắng để gần góc tường trong phòng trọ số 05B. Khoảng 19 giờ cùng ngày, L lấy 01 nỏ thủy tinh và 01 đoạn ống hút nhựa gắn vào 02 lỗ nắp chai nhựa đã khoét sẵn và vặn vào 01 vỏ chai nước ngọt nhựa để làm 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy rồi L đổ một ít ma túy đá từ túi nylon L mua của C đen vào nỏ thủy tinh. Khi chuẩn bị sử dụng, L thấy trong nỏ thủy tinh dính bụi nên L đổ số ma túy này ra 01 (một) gói nylon màu trắng rồi hàn kín lại (ký hiệu M3-2) và để lên trên kệ để sữa trong phòng trọ. Sau đó, Liên tiếp tục đổ một ít ma túy từ túi nylon L mua của C đen vào nỏ thủy tinh, phần ma tuý còn lại Liên tiếp tục cất giấu trong cục sạc điện thoại để gần góc tường trong phòng. L, V và Đ lần lượt tự đốt ma tuý có trong nỏ để sử dụng. Sau khi Đ hút xong thì đem bộ dụng cụ sử dụng bên trong nỏ còn ma túy cất lên trên kệ tủ để sữa trong phòng trọ.

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 12/6/2024, L lấy bộ dụng cụ sử dụng có chứa ma túy ra tiếp tục sử dụng cùng Đ đến hết ma tuý trong nỏ. Lúc này, V đang tắm nên không biết việc L và Đ sử dụng ma tuý. Sau đó, L sử dụng điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro gọi điện bằng ứng dụng zalo cho "Minh T" hỏi mua 300.000

đồng ma túy đá để sử dụng, T đồng ý và hẹn 15 phút sau sẽ giao ma tuý cho L. Khoảng 20 giờ 45 phút, L đưa cho Đại số tiền 300.000 đồng và kêu Đ đi ra đường hẻm vào nhà trọ để lấy ma túy dùm L. Đ đi lấy ma tuý sau đó giao lại cho L rồi tiếp tục ra ngoài đi mua sữa. Sau khi nhận ma túy từ Đ, L phân ma tuý mua được thành 02 gói nylon nhỏ, hàn kín lại (ký hiệu M1 và M3-1). L đưa cho V cất 01 gói có dán băng keo màu vàng (ký hiệu M1) còn L cất 01 gói nylon hàn kín (ký hiệu M3-1) trên kệ sữa phía góc tường của phòng trọ.

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 12/06/2024, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về Kinh tế - Ma túy Công an thành phố B phối hợp với Công an phường A tiến hành kiểm tra hành chính phòng số 5B, nhà trọ T4 thuộc Tổ A, khu phố T, phường A, thành phố B, tỉnh Bình Dương thì phát hiện Phan Thanh V đang cầm trên tay 01 khẩu trang màu xanh bên trong có 01(một) túi nylon hàn kín chứa chất tinh thể màu trắng (ký hiệu M1). V khai nhận chất tinh thể màu trắng bên trong túi nylon là ma túy đá. Lực lượng Công an tiếp tục tiến hành khám xét khẩn cấp phòng số 5B, Nhà trọ T4 phát hiện, thu giữ:

- 01(một) túi nylon màu trắng miệng kéo dính, bên trong có chứa tinh thể màu trắng được giấu bên trong cục sạc điện thoại màu trắng để gần góc tường phòng trọ (ký hiệu M2).

- 01(một) túi nylon miệng kéo kính bên trong có 02 gói nylon màu trắng được hàn kín, bên trong là tinh thể màu trắng được dán vào miếng băng keo màu vàng, để tại kệ sữa phía góc tường của phòng trọ. Trong đó, 01 túi nylon màu trắng miệng kéo dính, bên trong có chứa tinh thể màu trắng chứa ma tuý L đổ ra từ số ma tuý L mua của Cu đen (ký hiệu M3-2) và 01 túi nylon màu trắng miệng kéo dính, bên trong có chứa tinh thể màu trắng chứa ma tuý L mua của Minh T (ký hiệu M3-1);

- 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma tuý đá.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone Iphone 12 Pro.

Theo Kết luận giám định số: 2865/KL-KTHS (MT) ngày 21/06/2024, Phòng K2 Công an tỉnh B kết luận: Mẫu tinh thể gửi bị thu giữ đi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng: M1 = 0,1192 gam, M2 = 1,0125 gam, M3-1 = 0,1040 gam, M3-2 = 0,1174 gam.

Cáo trạng số: 02/CT-VKSBC ngày 05/12/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương đã truy tố :

Lương Thị Ngọc L về các tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" và "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo các điểm a, b khoản 2 Điều 255, điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự; Phan Thanh V về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" và "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 2 Điều 255, điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Trần Vĩnh Đ truy tố về

tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng; đánh giá tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng các điểm a, b khoản 2 Điều 255, điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản điều 51, Điều 55 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lương Thị Ngọc Liên T1 08 đến 09 năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý", 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý", tổng hợp hình phạt của hai tội từ 09 năm 06 tháng đến 11 năm tù.

Áp dụng các điểm b khoản 2 Điều 255, điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 điều 51, Điều 55 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phan Thành V1 07 năm đến 08 năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý", 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý", tổng hợp hình phạt của hai tội từ 08 năm 06 tháng đến 10 năm tù.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Vĩnh Đại T2 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu huỷ ma tuý còn lại sau giám định được niêm phong trong 03 (ba) bì thư dán kín số 2865/PC09 - M1, 2865/PC09 - M2 và 2865/PC09 - M3 có chữ ký hình dấu đỏ như trong biên bản mở niêm phong và giấy niêm phong có chữ ký Lương Thị Ngọc L (người chứng kiến), chữ ký Đinh Công T3 (Cán bộ nhận mẫu), chữ ký Trần Hoàng H2 (Cán bộ trả mẫu) và hình dấu đỏ niêm phong của phòng KTHS – Công an tỉnh B, khối lượng mẫu vật niêm phong: 0,1112 gam (M1); 0,9970 gam (M2); 0,0924 gam (M3-1) và 0,1093 gam (M3-2); 01(một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Iphone Iphone 12 Pro.

Các bị cáo không tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo được sớm trở về đoàn tụ với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra và tại phiên tòa. Do đó, các

hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, các bị cáo Lương Thị Ngọc L, Phan Thanh V, Trần Vĩnh Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, các biên bản hỏi cung bị can, biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang, Kết luận giám định, Phiếu xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Lương Thị Ngọc L có hành vi dùng tiền sinh hoạt chung của L và Phan Thanh V để mua ma tuý, chuẩn bị chất ma túy, dụng cụ sử dụng trái phép chất ma túy, cung cấp chất ma túy để cùng Trần Vĩnh Đ, Phan Thanh V sử dụng trái phép chất ma túy 02 lần vào các ngày 11 và 12/6/2024. L còn cất giấu 1,3531 gam ma tuý, loại Methamphetamine nhằm mục đích để sử dụng. Bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi bị cáo thực hiện đã đủ các yếu tố cấu thành các tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" và "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" theo các điểm a, b khoản 2 Điều 255 và điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Phan Thanh V đồng ý để L sử dụng tiền sinh hoạt chung của L và V mua ma tuý, cung cấp địa điểm, cùng L tổ chức cho Đ sử dụng trái phép chất ma túy 01 lần vào ngày 11/6/2024. Ngoài ra, V còn có hành vi cùng L cất giấu 1,3531 gam ma tuý, loại Methamphetamine nhằm mục đích để sử dụng. Bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi của bị cáo Phan Thanh V thực hiện đã hội đủ các yếu tố cấu thành các tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" và "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo điểm c, khoản 1 Điều 249 và điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

Trần Vĩnh Đại đồng Ý giúp L đi nhận 0,2232 gam ma tuý, loại Methamphetamine mà L mua của đối tượng "Minh Tự", sau khi nhận xong về giao lại cho L để L cất giấu sử dụng, hành vi của bi cáo là đồng phạm với Lương Thị Ngọc L về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" theo điểm c, khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát truy tố các bị cáo về tội danh, điều khoản như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý các chất gây nghiện của nhà nước. Về nhận thức, các bị cáo biết ma túy là loại chất gây nghiện nguy hiểm do nhà nước độc quyền và thống nhất quản lý. Vi phạm các quy định về chế độ quản lý các chất ma túy không những gây khó khăn cho việc kiểm soát chất ma túy của nhà nước mà còn đe dọa nghiêm trọng đến an toàn, trật tự công cộng, sức khỏe và sự phát triển lành mạnh của xã hội, là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm hình sự khác. Bị cáo Đ đã từng bị dụng biện pháp xử lý hành chính đưa

vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 12 tháng đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý, sau khi chấp hành xong bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi tàng trữ trái pháp chất ma túy, chứng tỏ bị cáo xem thường pháp luật. Vì vậy, để có tác dụng tuyên truyền, giáo dục ý thức tuân theo pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm cần xử phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[6] Đối chiếu với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy. Hình phạt Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, mức hình phạt đối với bị cáo L về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" là chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử quyết định mức phạt khác.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu 01 điện thoại di động hiệu Iphone Iphone 12 Prpo là phương tiện bị cáo L sử dụng vào việc phạm tội (gọi điện thoại để mua ma túy) nên sẽ tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước. Đối với ma túy thu giữ của các bị cáo còn lại sau giám định là tang vật thu giữ trong vụ án Hội đồng xét xử sẽ tịch thu, tiêu hủy.

[8] Về án phí sơ thẩm: các bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 298, 299, 326, 327, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên bố các bị cáo Lương Thị Ngọc L, Phan Thanh V phạm các tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" và "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; bị cáo Trần Vĩnh Đ phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

1. Về hình phạt:

1.1. Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255, điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo Lương Thị Ngọc L 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tàng

trữ trái phép chất ma túy". Tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc bị cáo Lương Thị Ngọc L phải chấp hành là 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13 tháng 6 năm 2024.

1.2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phan Thành V1 07 (bảy) năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc bị cáo Phan Thành V1 phải chấp hành là 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12 tháng 6 năm 2024.

1.3. Áp dụng điểm điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo Trần Vĩnh Đ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù .Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13 tháng 06 năm 2024.

2. Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01(một) điện thoại di động hiệu Iphone Iphone 12 Pro (máy đã qua sử dụng, không kiểm tra được Model, số IMEI, tại thời điểm giao nhận máy không khởi động được).

- Tịch thu tiêu hủy: 03 (ba) bì thư niêm phong ghi số 2865/PC09 - M1, 2865/PC09 - M2 và 2865/PC09 - M3 có chữ ký của Lương Thị Ngọc L (người chứng kiến), chữ ký của Đinh Công T3 (cán bộ nhận mẫu), chữ ký Trần Hoàng H2 (cán bộ trả mẫu) và hình dấu đỏ niêm phong của Phòng K2 – Công an tỉnh B; 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy.

(*Vật chứng được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/12/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố B và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương*).

3. Án phí sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo Lương Thị Ngọc L, Phan Thành V1, Trần Vĩnh Đ mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương (Phòng Kiểm tra

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

nghiệp vụ và Thi hành án);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát;
- Công an thành phố Bến Cát;
- Chi Cục Thi hành án Dân sự thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng (3);
- Lưu: hồ sơ vụ án, VT, NTS, 30.

Nguyễn Thị Sang